TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 16-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Túy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Thị Lan.
- Bà Bùi Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Trung Tín - Thư ký Toà án nhân dân huyện Côn Đảo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo tham gia phiên toà*:** Ông Bùi Hữu Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng T, sinh năm 1986 tại Phú Yên. Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện P, Phú Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng L và bà Nguyễn Thị Bích L1; gia đình có 10 anh chị em, bị cáo là con tám. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 07/5/2024, bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép", số tiền phạt là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2024 cho đến ngày xét xử "có mặt".

2. Huỳnh Văn N, sinh năm 1984 tại Kiên Giang. Nơi thường trú: Tổ A, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Nơi ở hiện nay: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hồng L2 và bà Nguyễn Thị B; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/2/2018, Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép", số tiền phạt là 1.500.000đ (Một

triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu dân cư S, huyện C "có mặt".

- Bị hại: Ông Võ Kinh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu "có mặt".

2. Ông Ngô Quang H1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu "vắng mặt".

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu "có mặt".

4. Ông Đoàn Hoàng N1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu "có mặt".

5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu "có mặt".

6. Ông Lê Duy S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa "vắng mặt".

7. Bà Lê Thị Thúy H3, sinh năm 1994. Địa chỉ: A H, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 10/6/2024, Huỳnh Văn N ở tại phòng trọ của ông Đoàn Hoàng N1, N hỏi mượn ông N1 xe máy hiệu ANGEL, màu đỏ-đen, số khung 10DD7D034593, số máy: VA2AD0034953, biển kiểm soát 36L1-0500 để đi mua dừa, ông N1 đồng ý. Sau đó, N chạy xe đến phòng trọ của ông Nguyễn Văn T2 với mục đích để mượn thùng xe tự chế đi chở dừa. Tại đây, N gặp Lê Hoàng T, nên rủ T đi mua dừa để bán lấy tiền lời, T đồng ý. N hỏi ông T2 mượn thùng xe kéo tự chế đi chở dừa, ông T2 đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe máy biển kiểm soát 36N1-0500 chở T kéo theo thùng xe tự chế. Khi đi đến khu vực ngã tư đường N - V thì trời mưa nên N, T đi vào trong khu di tích Bãi Sọ Người trên đường V thuộc khu dân cư S, huyện C trú mưa. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, T nhìn thấy dưới gốc cây dương trong khu di tích Bãi Sọ Người để 14 (Mười bốn) khung sắt nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. T rủ N trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài thì N đồng ý. Sau đó, cả hai khiêng 14 (mười) khung sắt lên thùng xe tự chế chở đến vựa ve chai trên đường N thuộc khu dân cư S, huyện C để bán cho bà Hoàng Thị T1. Tại đay, bà T1 cân được 170kg, mua với giá 6.000đồng/01kg nên bà T1 trả cho N và T số tiền 1.020.000đồng. N và T đổ xăng xe hết 100.000đồng, mua nước uống hết 30.000đồng, mua cơm hết 100.000đồng, cho ông T2 50.000đồng, số tiền còn lại chia đều mỗi người được

370.000đồng và đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 13/6/2024, anh Ngô Quang H1 đến công trình để làm việc thì phát hiện bị mất 14 (Mười bốn) khung sắt để dưới gốc cây dương, anh H1 thông báo cho ông H biết sự việc. Ngày 23/6/2024, ông H đi tìm thì phát hiện 14 (Mười bốn) khung sắt đang để tại vựa ve chai của bà T1. Ngày 24/6/2024, ông H đến Công an huyện C để trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Lê Hoàng T, Huỳnh Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

* Tại kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 07/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông, tổng trọng lượng 0,17 tấn. có tổng giá trị là 3.034.438đ (Ba triệu không trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi tám đồng).

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng**

- Đồ vật, tài liệu tạm giữ:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ của bà Hoàng Thị T1 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông. Đây là tài sản của ông Võ Kinh H đã bị Lê Hoàng T và Huỳnh Văn N trộm cắp đem bán cho bà Hoàng Thị T1 vào ngày 10/6/2024.

- Số tiền 50.000đồng do ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả.

- Số tiền 485.000đồng do bị cáo Huỳnh Văn N tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả.

- Số tiền 485.000đồng do bị cáo Lê Hoàng T tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả.

***- Xử lý vật chứng*:**

Quá trình điều tra xác định: 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông là của ông Võ Kinh H nên ngày 27/11/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 382/QĐ-ĐTTH trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Ông H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm (BLĐT: 64, 65).

Đối với ông Nguyễn Văn T2 đã cho Huỳnh Văn N mượn thùng xe tự chế, không biết việc các bị cáo sử dụng vận chuyển tài sản trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ. Đối với số tiền 50.000đồng N cho thì ông T2 không biết tiền do phạm tội mà có nên Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý.

Đối với bà Hoàng Thị T1 là người đã mua 14 (Mười bốn) khung sắt do các bị cáo trộm cắp với giá 1.020.000đồng, bà T1 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe máy hiệu ANGEL, màu đỏ-đen, số khung 10DD7D034593, số máy: VA2AD0034953, biển kiểm soát 36L1-0500 Nhựt, T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 10/6/2024. Quá trình điều tra xác định: xe do ông Lê

Duy S đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Năm 2012, ông S cho con gái ruột là chị Lê Thị Thúy H3 để sử dụng. Năm 2016, chị H3 cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H2 để sử dụng. Bà H2 sống chung như vợ chồng với ông Đoàn Hoàng N1. Từ đầu tháng 5/2024 đến cuối tháng 6/2024, bà H2 về điều trị bệnh tại Thành phố Hà Nội, nên ông N1 quản lý, sử dụng chiếc xe. Ngày 10/6/2024, ông N1 cho Huỳnh Văn N mượn chiếc xe đi chở dừa, ông N1, bà H2 không biết sự việc N, T sử dụng xe đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ chiếc xe, không xem xét xử lý ông N1.

Tại bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSCĐ ngày 31/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo truy tố các bị cáo Lê Hoàng T và Huỳnh Văn N về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng T và Huỳnh Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Hoàng T mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù; Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 1.020.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003316 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Côn Đảo đề nghị trả lại cho bà Hoàng Thị T1.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông cho ông Võ Kinh H nên đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo truy tố, không tranh tụng tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 10/6/2024 tại khu di tích Bãi Sọ Người trên đường V thuộc khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; các bị cáo Lê Hoàng T, Huỳnh Văn N có hành vi lén lút trộm cắp là 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông, kích thước (cao 282 cm, cạnh vuông 10 cm) tổng trọng lượng 0,17 tấn của ông Võ Kinh H có giá trị 3.034.438đ (Ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng). Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi "Trộm cắp tài sản" là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Sự cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo để quyết định một mức hình phạt phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vai trò và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Về vai trò và nhân thân của các bị cáo: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, tổ chức, cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng để trộm cắp tài sản nên bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo N. Do đó, cần có mức hình đối với bị cáo T cao hơn bị cáo N.

Bị cáo T đã có 01 tiền sự: Ngày 07/5/2024, bị Công an huyện C xử phạt hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép", số tiền phạt là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo N có nhân thân xấu: Ngày 12/2/2018, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc trái phép", số tiền phạt là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo N phạm tội; Bị cáo có một tiền sự, trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo không chấp hành mà bỏ đi khỏi địa phương nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để

cải tạo, giáo dục. Đối với bị cáo N, đối chiếu với Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, được hợp nhất theo văn bản số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ (03 tình tiết) quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, mặc dù về nhân thân vào năm 2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng cho đến nay, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách phù hợp cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Như vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo T; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo N.

[5] Đối với bà Hoàng Thị T1 là người đã mua 14 (Mười bốn) khung sắt do N và T trộm cắp với giá 1.020.000đồng, bà T1 không biết đây là tài sản do N, T trộm cắp. Do đó, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Võ Kinh H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với bà Hoàng Thị T1 là người mua 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông do các bị cáo trộm cắp để bán với số tiền là 1.020.000đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông để trả lại cho bị hại nên bà T1 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 1.020.000đồng. Trong quá trình điều tra; ông Nguyễn Văn T2 tự nguyện giao nộp số tiền 50.000đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo N tự nguyện giao nộp số tiền 485.000đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo T tự nguyện giao nộp số tiền 485.000đồng để khắc phục hậu quả; Tổng cộng là 1.020.000đồng. Do đó, cần trả lại số tiền 1.020.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003316 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Côn Đảo cho bà Hoàng Thị T1.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 14 (Mười bốn) khung sắt dạng hình trụ vuông; Quá trình điều tra xác định là của ông Võ Kinh H nên ngày 27/11/2024, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý vật chứng số 382/QĐ-ĐTTH trả lại tài sản cho ông H là phù hợp.

- Đối với ông Nguyễn Văn T2 đã cho Huỳnh Văn N mượn thùng xe tự chế, không biết việc N, T sử dụng vận chuyển tài sản trộm cắp. Đối với số tiền 50.000đồng N cho ông T2 không biết đây là số tiền do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với chiếc xe máy hiệu ANGEL, màu đỏ-đen, số khung 10DD7D034593, số máy: VA2AD0034953, biển kiểm soát 36L1-0500 Nhựt, T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ngày 10/6/2024. Quá trình điều tra xác định: xe do ông Lê Duy S đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Năm 2012, ông S cho con gái ruột là chị Lê Thị Thúy H3 để sử dụng. Năm 2016, chị H3 cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị H2 để sử dụng. Bà H2 sống chung như vợ chồng với ông Đoàn Hoàng N1. Từ đầu tháng 5/2024 đến cuối tháng 6/2024, bà H2 về điều trị bệnh tại Thành phố Hà Nội, nên ông N1 quản lý, sử dụng chiếc xe. Ngày 10/6/2024, ông N1 cho Huỳnh Văn N mượn chiếc xe đi chở dừa, ông N1, bà H2 không biết sự việc N, T sử dụng xe đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ chiếc xe, không xem xét xử lý ông N1 là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Hoàng T, Huỳnh Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hoàng T và Huỳnh Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Lê Hoàng T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 17/10/2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Huỳnh Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án ngày 16/01/2025.

Giao Huỳnh Văn N cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp Huỳnh Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự".

2. Về trách nhiệm dân sự: Trả lại cho bà Hoàng Thị T1 số tiền 1.020.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003316 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Côn Đảo.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Hoàng T, Huỳnh Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2025). Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo; đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV 06 CA tỉnh BR-VT;
- PC 10 CA tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Công an huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Túy